TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN L** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **19** /2017/DSST
Ngày: 21/9/2017
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN L, TP. HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

*Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà:*Bà Vũ Thị Thu Hằng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phạm Thị Thành

2. Bà Nguyễn Thị Huệ

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Minh Nam - Thư ký Toà án nhân dân quận L.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận L tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thanh Hương- Kiểm sát viên.

Ngày 21/9/2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận L xét xử công khai sơ thẩm thụ lý số: 83/2017/TLST-DS ngày 22/6/2017 về việc: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 102/2017/QĐXXST-DS ngày 18/8/2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 72/2017/QĐST-DS ngày 05 tháng 9 năm 2017 giữa:

Nguyên đơn: **Bà Vương Thị H –** sinh năm 1968

HKTT và địa chỉ hiện nay: Số 67, Liên gia 4, tổ 27 – phường Ng – quận L – Hà Nội. (*Có mặt)*

Bị đơn: **Bà Trần Thu H1** – sinh năm 1964

Địa chỉ: Số 71, Liên gia 4, tổ 27 – phường Ng – quận L – Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền: Bà Vũ Vân A, sinh năm: 1993, HKTT xã Gi, huyện Gi1, tỉnh Nam Định. (Hợp đồng ủy quyền ngày 18/9/2017 tại Văn phòng công chứng X thành phố Hà Nội). (Có mặt)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Tạ Mạnh T, sinh năm: 1959, HKTT: Số 71 đường Ng, phường Ng, quận L, TP.Hà Nội. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo đơn khởi kiện ngày 04/5/2016 và lời khai tại Tòa án, nguyên đơn bà Vương Thị H trình bày: Khoảng đầu năm 2014, Bà Trần Thu H1 là hàng xóm gần nhà bà và chơi thân thiết với nhau. Do bà H1 nói mua đất nhưng thiếu tiền nên bà H1 đã hỏi vay bà nhiều lần và hứa sau khi bán sẽ trả cho bà. Do bà H1 bặt vô âm tín không liên hệ được và không trả nợ cho bà nên đầu năm bà đã khởi kiện bà H1 ra Tòa án quận L và bà H1 đã về giải quyết và hai bên đã lập biên bản hòa giải ngày 28.2.2017 về khoản nợ. Tổng số tiền bà H cho bà H1 đến ngày 28/2/2017 là 2.600.000.000 đồng (Hai tỷ sáu trăm triệu đồng). Cùng vào ngày 28.2.2017 thì bà H1 đã trả nợ một phần tiền nợ gốc là 550.000.000 đồng (Năm trăm năm mươi triệu đồng). Khi bà H1 bỏ đi, ông T (chồng bà H1) đã trả cho bà thêm khoản tiền nợ gốc là: 34.000.000 đồng (ba mươi tư triệu đồng). Tổng số tiền nợ gốc đã trả cho tôi là 584.000.000 đồng (Năm trăm tám mươi tư triệu đồng). Như vậy, số tiền nợ gốc còn lại là 2.016.000.000 đồng (Hai tỷ không trăm mười sáu triệu đồng), phần này bà H1 cam kết trả dần cho bà.

Vì bà rất cần tiền và bị mọi người đòi nợ nên bà đã chấp nhận theo yêu cầu bà H1 rút đơn khởi kiện ngày 28/2/2017 và đã có biên bản hòa giải cùng với biên bản nhận nợ của bà H1. Nhưng sau đó bà phát hiện bà H1 có dấu hiệu tẩu tán tài sản để trốn tránh việc trả nợ. Vậy nên, ngày 05/5/2017 bà làm đơn khởi kiện bà H1 ra Tòa án nhân dân quận L yêu cầu bà H1 trả nợ cho bà số tiền cả gốc là: 2.016.000.000 đồng

(Hai tỷ, không trăm mười sáu triệu đồng). Bà vẫn liên lạc và gọi điện cho bà H1 yêu cầu bà H1 trả nợ nhưng bà H1 khất hết lần này đến lần khác. Tại phiên tòa bà H giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bà H1 phải thanh toán toàn bộ số nợ còn lại. Bà không yêu cầu tính lãi trên số nợ trên từ tháng 02 năm 2017 cho đến ngày xét xử sơ thẩm nhưng yêu cầu tính lãi chậm thanh toán từ sau khi xét xử sơ thẩm cho đến khi nào bà H1 thanh toán xong nợ cho bà.

*Bị đơn bà Trần Thu H1 đã được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng và triệu tập hợp lệ nhưng vẫn không đến Tòa án để tham gia tố tụng. Bà có gửi qua đường bưu điện cho Tòa bản photo Biên bản hòa giải ngày 28.2.2017. Vào ngày 18/9/2017 bà H1 đã ủy quyền bằng Hợp đồng ủy quyền cho bà Vũ Vân A và bà Vũ Vân A xuất trình với Tòa án vào ngày 19/9/2017. Tại phiên tòa bà Vũ Vân A xác định sự việc bà H1 còn nợ bà H số tiền 2.016.000.000 đồng (Hai tỷ, không trăm mười sáu triệu đồng) như bà H1 trình bầy là đúng. Hiện nay bà H1 đang gặp khó khăn nên không có khả năng trả nợ, bà đề nghị bà H cho bà H1 thanh toán dần số nợ trên.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Tạ Mạnh T mặc dù được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng và triệu tập hợp lê nhưng không tham gia tố tụng.

**** Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận L phát biểu ý kiến như sau:***

Về việc tuân theo pháp luật: Trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, đã tuân theo theo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, thụ lý vụ án theo đúng thẩm quyền, thu thập chứng cứ, quyết định đưa vụ án ra xét xử và mở phiên toà theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn và bị đơn chấp hành đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự. Toà án đã tiến hành cấp tống đạt các quyết định tố tụng theo đúng quy định tại Điều 179, 180 Bộ luật Tố

tụng dân sự và tiến hành xét xử vắng người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan theo quy định tại theo Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà H, bà H1 phải thanh toán khoản tiền còn nợ là 2.016.000.000 đồng (Hai tỷ, không trăm mười sáu triệu đồng). Bà H1 phải chịu án phí DSST theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Bà Vương Thị H khởi kiện yêu cầu bà Trần Thu H1 (hiện xác định nơi cư trú cuối cùng tại số 71 Liên gia 4,tổ 27, phường Ng, L, Hà Nội) trả số tiền đã vay nên đây là vụ án tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo qui định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân Quận L theo điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2]Về tố tụng: Ông Tạ Mạnh T đã được Tòa án tống đạt hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt theo qui định tai khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Vương Thị H về việc yêu cầu bị đơn phải thanh toán khoản tiền nợ 2.016.000.000 đồng (Hai tỷ, không trăm mười sáu triệu đồng), Hội đồng xét xử nhận định:

Các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, tài liệu do nguyên đơn cung cấp và tài liệu qua bị đơn gửi đến Tòa án, và sự thừa nhận của đại diện hợp pháp cho bị đơn tại phiên tòa, đủ cơ sở xác định giữa bà Vương Thị H và bà Trần Thu H1 có xác lập giao dịch dân sự theo đó bà H cho bà H1 vay tiền. Do bà H1 không thanh toán nợ nên bà H

đã khởi kiện bà H1 ra Tòa án nhân dân quận L để đòi nợ. Trong quá trình giải quyết vụ án thụ lý số 02/2017/TLST-DS ngày 10/1/2017 thì hai bên đã tự chốt nợ, thanh toán một phần nợ và hòa giải với nhau bằng "Biên bản hòa giải ngày 28/2/2017". Sau đó bà H đã rút đơn khởi kiện.

Theo nội dung của chứng cứ "Biên bản hòa giải ngày 28/2/2017 thể hiện hai bên đều thống nhất xác nhận tổng nợ gốc đến ngày 28/2/2017 là 2.600.000.000 đồng. Trước đó đã trả được 34.000.000 đồng (Ba mươi bốn triệu đồng) và ngày 28.2.2017 bà H1 trực tiếp trả thêm 550.000.000 đồng (Năm trăm năm mươi triệu đồng chẵn) (theo Biên nhận tiền ngày 28/2/2017). Tổng cộng bà H1 thanh toán được 584.000.000 đồng (Năm trăm tám mươi tư triệu đồng). Như vậy số tiền gốc còn nợ của bà H1 với bà H là 2.016.000.000 đồng như bà H khai là chính xác. Đủ cơ sở xác định tính đến ngày 28/2/2017 bà H1 còn nợ bà H khoản tiền 2.016.000.000 đồng (Hai tỷ, không trăm mười sáu triệu đồng).

Xét lời trình bầy của bà H về việc bà không thể liên hệ được với bà H1 để đòi nợ và buộc bà phải khởi kiện tiếp bà H1 ra tòa, vì bà H1 không tiếp tục thanh toán nợ cho bà sau ngày 28.02.2017, lời trình bầy này có cơ sở chấp nhận. Quá trình thụ lý giải quyết vụ án, mặc dù Tòa án đã tống đạt hợp lệ nhưng bà H1 đã không tham gia tố tụng tại Tòa án mà chỉ gửi tài liệu qua đường bưu điện. Bà H1 đã bị tuyên bố vắng mặt nơi cư trú theo Quyết định giải quyết việc dân sự số 11/2015/QĐST-VDS ngày 23/5/2015 khi chồng bà ông T làm đơn xin ly hôn với bà. (Theo bản án số 31/2016/HNGĐ-ST ngày 30/8/2016 về Tranh chấp ly hôn). Vì vậy đủ căn cứ hiện bị đơn vắng mặt nơi cư trú và bà H không thể liên lạc đòi nợ được với bà là có cơ sở.

Mặt khác, vào ngày 12/6/2017, Tòa án nhân dân quận L đã nhận được công văn từ Văn phòng đăng ký đất đai –Sở tài nguyên và môi trường Hà Nội số 4981/VPĐKĐĐ-HCTH ngày 08/6/2017 về việc nhận được đơn ngăn chặn giao dịch đối với thửa đất tại TT N, xã D, huyện G và đề nghị Tòa án phúc đáp việc có đang thụ lý giải quyết vụ án tranh chấp đòi nợ giữa bà H và bà H1 hay không. Nội dung công

văn này đã thể hiện sự việc ngày 22/3/2017, chi nhánh VPĐKĐĐ huyện G đã đăng ký biến động thửa đất trên cho bà Tô Thanh H2. Sau đó ngày 11/4/2017 bà Tô Thanh H2 lại sang tên cho chồng cũ bà H1 là ông Tạ Mạnh T. (Thời điểm này ông T và bà H1 đã ly hôn).

Theo Biên bản hòa giải ngày 28/2/2017 thì hai bên đã thống nhất nếu bà H phát hiện bà H1 "còn tài sản hoặc có dấu hiệu tẩu tán tài sản thì có quyền khởi kiện lại". Như vậy việc bà H tạm nhận khoản tiền 550.000.000 đồng (Năm trăm năm mươi triệu) và rút đơn khởi kiện là vì bà H1 trình bầy không còn tài sản để trả tiếp khoản nợ còn lại cho bà H. Nhưng tài liệu do cơ quan có thẩm quyền cung cấp thông tin thì đến thời điểm 22/3/2017 bà H1 còn khối tài sản thửa đất tại TT N, xã D, huyện G. Bà H1 đã không thanh lý tài sản để trả nợ cho bà H mà lại cùng ông T sang tên cho người khác. Vì vậy thỏa thuận cho bà H được nợ lại trả dần khoản tiền 2.016.000.000 đồng theo thỏa thuận ngày 28/2/2017 không còn hiệu lực ràng buộc. Kể từ ngày 28.2.2017 khoản nợ trên trở thành khoản nợ không có kỳ hạn theo quy định tại Điều 469, theo đó bà H có quyền đòi nợ bất cứ lúc nào. Theo Điều 469 BLDS 2015 thì hai bên chỉ việc thông báo cho nhau thời gian hợp lý, trừ trường hợp có thỏa thuận khác. Xét thấy bà H1 vắng mặt nơi cư trú nên việc thông báo đòi nợ cho bà H là không thể thực hiện được. Mặt khác theo Biên bản hòa giải ngày 28.2.2017 hai bên đã có thỏa thuận khác, theo đó, nếu bà H có phát hiện bà H1 còn tài sản hoặc có dấu hiệu tẩu tán tài sản thì có quyền khởi kiện đòi nợ ngay. Vì vậy, việc bà H thực hiện quyền khởi kiện lại là đúng quy định của pháp luật. HĐXX căn cứ vào Điều 466 và Điều 469BLDS 2015 đề chấp nhận yêu cầu của bà H về việc buộc bà H1 trả ngay số tiền 2.016.000.000 đồng. (Hai tỷ, không trăm mười sáu triệu đồng).

Về yêu cầu trả lãi: Bà H không yêu cầu bà H1 trả lãi đến khi xét xử. Theo quy định của pháp luật dân sự, sau ngày xét xử sơ thẩm nếu bà H1 không trả nợ thì phải chịu tiền lãi trên số tiền chậm thanh toán theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 BLDS 2015 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc chậm thanh toán.

Yêu cầu của bà H đối với việc bà H1 phải thanh toán tiền lãi sau ngày xét xử sơ thẩm là chính đáng nên chấp nhận.

Đối với ông T, xét thấy Biên bản hòa giải ngày 28.2.2017 chỉ có chữ ký của bà H1, tại thời điểm ông bà đã ly hôn, vì vậy không có cơ sở xác định trách nhiệm của ông T trong vụ án này.

Án phí: Bà H1 phải chịu theo quy định tại Điều 147 BLTTDS và Nghị quyết số 326 về án phí lệ phí là 72.320.000 đồng.

Hoàn lại cho bà H khoản tiền tạm ứng án phí 40.846.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tiền số 5607 ngày 22/6/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự quận L.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 147, Điều 227, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

-Căn cứ các Điều 463,Điều 466, Điều 468 và Điều 469 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Điều 26 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ;

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn của bà Vương Thị H đối với bị đơn bà Trần Thu H1.

Buộc bà Trần Thu H1 có trách nhiệm trả cho Vương Thị H số tiền 2.016.000.000 đồng (Hai tỷ, không trăm mười sáu triệu đồng).

2. Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bà Trần Thu

H1 còn phải chịu tiền lãi trên số tiền gốc chậm thanh toán tương ứng với thời gian chậm thanh toán theo mức lãi suất quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

3. Án phí DSST: Bà Trần Thu H1 phải chịu tiền án phí sơ thẩm là 72.320.000 đồng. (Bẩy mươi hai triệu, ba trăm hai mươi ngàn đồng).

Bà Vương Thị H được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 40.846.000 đồng (Bốn mươi triệu, tám trăm bốn mươi sáu ngàn đồng) theo biên lai thu tiền số 5607 ngày 22/6/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận L, Thành phố Hà Nội.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt nguyên đơn và đại diện hợp pháp của bị đơn.

Bà Vương Thị H, bà Trần Thu H1 và người đại diện hợp pháp của bà H1 là bà Vũ Vân A có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Tạ Mạnh T có quyền kháng cáo trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

***Nơi nhận*:**
- Tòa án nhân dân TP. Hà Nội;
- Viện kiểm sát nhân dân quận L, TP.Hà Nội;
- Chi cục Thi hành án dân sự quận L, TP.Hà Nội;
- Các đương sự;
-Lưu hồ sơ, văn phòng;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Vũ Thị Thu Hằng